

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13/12/2019
V/v tranh chấp về chia
tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thời.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Trần Quốc Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/11, ngày 29/11 và ngày 13/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 294/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2019, về việc: “Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15/11/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 99/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cao Mỹ D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 3, xã TK, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp 3, xã TK, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (NHNo&PTNTVN).

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Phong, chức vụ: Giám đốc NHNo&PTNTVN - Chi nhánh huyện Tháp Mười (Theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: 8F/4E Bến Bình Đông, Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Nguyễn Thị Nhân Á, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Huỳnh Quang K, sinh năm: 1988.

3.5. Huỳnh Văn T, sinh năm: 1962.

3.6. Đặng Thị Mười B, sinh năm: 1958.

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Bà D, ông M; Vắng mặt: Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười, ông T, bà Mười B, anh K, chị T, chị A (Có đơn xin vắng)).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, bà Cao Mỹ D trình bày:

Ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã giải quyết ly hôn giữa bà và ông Minh theo bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST, xét xử cho bà ly hôn với ông M và về nuôi con chung. Riêng phần tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong quá trình chung sống bà và ông M có tạo lập được một số tài sản gồm nhà và đất tại thửa số 39, diện tích 48m², loại đất ONT, tọa lạc tại xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Trên đất có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 năm 2008. Đến ngày 13/4/2009 Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho bà và ông M. Ngoài ra, trong quá trình chung sống vợ chồng còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười số tiền là 100.000.000đồng.

Bà Cao Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Về phần tài sản chung: Gồm căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2008 và đất tại thửa số 39, diện tích 48m², loại đất ONT, tọa lạc tại xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Tạm định giá là 300.000.000đồng, yêu cầu được chia đôi tài sản trên, bà D yêu cầu được nhận nhà và đất, bà sẽ trả giá trị lại cho ông M với số tiền 150.000.000đồng.

- Về nợ chung: Bà D yêu cầu bà và ông M mỗi người có nghĩa vụ trả 50.000.000đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười. Bà Cao Mỹ D đồng ý chia đôi số nợ Ngân hàng,

còn phần tài sản chung bà đồng ý trả giá trị cho ông M 400.000.000đồng bà nhận đất và căn nhà.

- Theo tự khai ngày 30/9/2019, ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vợ tự ý tách hộ khẩu để chung sống với người khác và đòi chia tài sản để lấy cái nhà chung của vợ chồng. Ông không đồng ý. Lý do là ông không còn chỗ để sống ngoài căn nhà nói trên. Với lại đang cho người ta thuê để lấy tiền đóng lãi ngân hàng. Vậy theo yêu cầu bà Cao Mỹ D thì ông không đồng ý để cho bà lấy nhà. Còn phần nợ Ngân hàng đồng ý chia đôi mỗi bên trả phân nửa. Còn phần căn nhà thì chia đôi để có chỗ cha con nương tựa.

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười, trình bày:

Căn cứ vào các hợp đồng vay vốn của ông Nguyễn Văn M, cư ngụ tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. NHNo&PTNT VN - Chi nhánh huyện Tháp Mười xác nhận ông Nguyễn Văn M có vay vốn tại NHNo&PTNT VN - Chi nhánh huyện Tháp Mười, tổng số tiền vay đã nhận 100.000.000đ. Xét thấy việc tranh chấp tài sản giữa bà D và ông M có ảnh hưởng đến quyền lợi của NHNo&PTNT VN - Chi nhánh huyện Tháp Mười nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười giải quyết buộc hộ ông Nguyễn Văn M trả số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và lãi tạm tính đến ngày 04/10/2019 là 2.773.000đ và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số 6505LAV201811598 ngày 26/10/2018 đến khi trả nợ xong.

- Theo tự khai ngày 21/10/2019, anh Huỳnh Quang K trình bày:

Vào ngày 10/7/2019, anh có thuê nhà của ông Nguyễn Văn M, thời hạn thuê là 06 tháng bắt đầu từ ngày 10/07/2019 đến ngày 10/01/2020, giá thuê một tháng là 2.000.000đồng, anh đã trả đủ tiền thuê 06 tháng là 12.000.000đồng. Trường hợp Tòa án xét xử giao căn nhà cho ông M hoặc bà D thì anh đồng ý giao trả căn nhà. Về thiệt hại xảy ra giữa anh và ông M tự giải quyết không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- Theo tự khai ngày 01/11/2019, ông Huỳnh Văn Tg, bà Đặng Thị Mười B trình bày: Ông bà là cha mẹ của Huỳnh Quang K là người thuê nhà của Nguyễn Văn M ở ấp 3, xã Tân Kiều. Hiện nay, ông bà đang mua bán thuốc thủy sản. Căn nhà nói trên đang tranh chấp phân chia tài sản giữa ông M và vợ là bà D. Ông bà mong Tòa án tạo điều kiện giúp đỡ cho sử dụng hết hợp đồng, nếu không thì ông bà đồng ý trả lại căn nhà.

- Theo tự khai ngày 24/10/ 2019, chị Nguyễn Thị Nhân Á: Không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Theo tự khai ngày 20/11/2019, chị Nguyễn Thị Kim T: Thống nhất theo ý kiến của ông M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của bà Cao Mỹ D và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Dung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà và đất tại ấp 3, xã Tân Kiều và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười có đơn yêu cầu hộ bà D ông M phải thanh toán nợ trước thời hạn vốn 100.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 04/10/2019 là 2.773.000đ. Đây là vụ kiện: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về chia tài sản sau ly hôn và giải quyết nợ chung” được quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án huyện Tháp Mười.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười, ông T, bà Mười B, anh K, chị T, chị Á có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà D cho rằng trong đơn khởi kiện có nêu nhà và đất tạm tính 300.000.000đ yêu cầu được chia đôi tài sản trên, bà yêu cầu được nhận nhà và đất, bà sẽ trả giá trị cho ông M với số tiền 150.000.000đ. Giá 300.000.000đ để tính tiền nộp tạm ứng án phí nhưng thực tế giá theo Nhà nước định bao nhiêu bà không biết nên bà có yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá còn giá thực tế bà biết có người mua nhà đất giá 800.000.000đ nên bà đồng ý nếu ông M nhận nhà, đất thì giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị là 400.000.000đ. Còn nếu bà nhận nhà đất thì bà sẽ giao cho Minh giá trị $\frac{1}{2}$ nhà đất là 400.000.000đ. Còn Hợp đồng thuê nhà với anh K thì hết hợp đồng anh K, ông T, bà Mười B sẽ giao lại nhà cho bà. Còn về nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười là nợ chung của vợ chồng không liên quan hai con nên mỗi người trả phân nửa nhưng bà sẽ trả luôn phần ông M rồi khấu trừ lại phần chênh lệch giá trị nhà đất giao ông M.

Tại phiên tòa, ông M cho rằng nếu giao nhà đất cho bà D thì ông không chỗ ở nên ông không đồng ý yêu cầu của bà D. Ông xin được nhận nhà, đất và giao $\frac{1}{2}$ giá trị mà Hội đồng định giá đã định là 119.616.000đ. Về nợ Ngân hàng mỗi người trả phân nửa. Về Hợp đồng thuê nhà với anh K sẽ thực hiện đến hết thời hạn hợp đồng.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười vắng mặt. Theo bảng lịch sử giao dịch tiền vay thể hiện: Ngày 08/7/2019 ông M có trả lãi 8.065.753đ; Ngày 04/11/2019, ông M trả lãi 3.745.522đ và trả vốn 6.283.000đ. Theo phiếu tính lãi khế ước ngày 29/11/2019 thể hiện lãi trong hạn đến ngày 13/12/2019 là 1.945.500đồng và tiền gốc còn lại là 93.717.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy tài sản chung của ông M bà D có căn nhà kết cấu móng gia cố, khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường bao che xây gạch, trong nhà có ốp gạch men trang trí chân tường cao 1,35m, mặt tiền ốp gạch cao tới trần sê nô cửa đi chính khung sắt kéo Đài Loan, trần Thạch cao, mái lợp tole, diện tích xây dựng 4m x 12= 48m² cất trên thửa đất số 39, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT diện tích 48m²; Phần đất được Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/3/2009 cho hộ bà Cao Mỹ D; Căn nhà được Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười cấp quyền sở hữu nhà cho bà Cao Mỹ D, ông Nguyễn Văn M. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà bà D, ông M thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười vay 100.000.000đ. Theo Biên bản định giá ngày 24/10/2019, căn nhà và thửa đất có giá là 239.232.000đ. Ông M và bà D đều có nhu cầu sử dụng căn nhà nhưng bà D đưa ra yêu cầu nhận nhà và giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo giá thị trường cho ông M là đảm bảo quyền lợi hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ chung: Ông M và bà D nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- Chi nhánh huyện Tháp Mười vốn gốc 93.717.000đ và lãi tạm tính đến ngày 13/12/2019 là 1.197.500đ.

Tại phiên tòa, bà D đồng ý bà có trách nhiệm trả vốn gốc 93.717.000đ và lãi tạm tính đến ngày 13/12/2019 là 1.197.500đ cho Chi nhánh ngân hàng rồi khấu trừ phần giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà, đất mà bà giao ông M. Cụ thể bà D giao lại ông M giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà là 400.000.000đ và khấu trừ nợ Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện Tháp Mười mà ông Minh phải trả 43.717.000đ và lãi tạm tính đến ngày 13/12/2019 chia hai là : 598.750đ; Nên bà D phải giao ông M là 356.881.750đ (400.000.000đ - 43.717.000đ+ 598.750đ).

Về Hợp đồng thuê nhà giữa ông M với anh K; Bà D, ông M, anh K thống nhất thực hiện hết hợp đồng ngày 10/01/2020 và anh K không yêu cầu nên không xem xét.

Xét thấy, quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: 1.970.000đ (Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) bà Cao Mỹ D đã tạm ứng và chi xong. Tại phiên tòa, bà D yêu cầu chia hai, ông M không đồng ý. Xét thấy chi phí

xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá chia hai là phù hợp khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả lại bà D 985.000đ (Chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm:

Bà D phải chịu án phí chia tài sản là 20.000.000đ (400.000.000đ x 5%) và án phí thực hiện nghĩa vụ dân sự là 2.529.900đ ((50.000.000đ + 598.750đ) x 5%).

Ông M phải chịu án phí chia tài sản là 20.000.000đ (400.000.000đ x 5%) và án phí thực hiện nghĩa vụ dân sự là 2.215.700đ ((43.717.000đ + 598.750đ) x 5%).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 165 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm b,e khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về chia tài sản: Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Mỹ D về chia tài sản.

Bà D, ông M mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, đất ở. Bà D được quyền sở hữu căn nhà và đất ở thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 09, diện tích 48m². Tọa lạc tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Cao Mỹ D có trách nhiệm thanh toán ông Nguyễn Văn M giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà, đất sau khi khấu trừ nợ là 356.881.750đồng (Ba năm mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn M mà bà Cao Mỹ D chưa thi hành xong thì hàng tháng còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười.

Buộc bà Cao Mỹ D có trách nhiệm trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười số tiền vay vốn gốc 93.717.000đồng và lãi tạm tính đến ngày 13/12/2019 là 1.197.500đồng.

Số dư nợ gốc 93.717.000đồng được tiếp tục tính lãi từ ngày 14/12/2019 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6505LAV201811598 ngày 26/10/2018 cho đến khi bà D trả hết nợ.

Khi bà D thực hiện xong nghĩa vụ đối với ông M và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười, bà D đến Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Buộc ông Nguyễn Văn M, anh Huỳnh Quang K, ông Huỳnh Văn T, bà Đặng Thị Mười B giao căn nhà kết cấu móng gia cố, khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường bao che xây gạch, trong nhà có ốp gạch men trang trí chân tường cao 1,35m, mặt tiền ốp gạch cao tới trần sê nô cửa đi chính khung sắt kéo Đài Loan, trần Thạch cao, mái lợp tol, diện tích xây dựng $4 \times 12 = 48\text{m}^2$ gắn với nền nhà chiều ngang $4 \times 12 = 48\text{m}^2$, thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 09, loại đất ONT, tọa lạc tại ấp 3 xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cho bà Cao Mỹ D.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: 1.970.000đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) bà Cao Mỹ D đã tạm ứng và chi xong, ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả lại bà Dung 985.000đồng (Chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Cao Mỹ D phải chịu 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí chia tài sản và 2.529.900đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi chín nghìn chín trăm đồng) án phí thực hiện nghĩa vụ dân sự nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0002367 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Cao Mỹ Dung còn phải nộp tiếp 18.779.900đồng (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm đồng).

Ông Nguyễn Văn Minh phải chịu 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí chia tài sản và 2.215.700đồng (Hai triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm đồng). Tổng cộng 22.215.700đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm đồng).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tháp Mười 2.570.000đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0006782 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (K).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã kysteen đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thời